TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Huy Tùng.
2/ Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hướng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/7/2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị B, sinh năm 1996 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.
2. Bị đơn: Ông Trần Hiếu T, sinh năm 1994 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị B trình bày: Vào năm 2015 bà B và ông Trần Hiếu T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 1, ngày 27/7/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nên bà B về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 5/2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông T.

Thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là Trần Gia H, sinh ngày 25/8/2016, hiện đang chung sống với bà B. Bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Hiếu T, nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà B, đồng thời ông T cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Trần Hiếu T, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B, nhận thấy bà B và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển 01 ngày 27/7/2015. Quan hệ hôn nhân của bà B và ông T không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến, dẫn đến cãi vã, bà B đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 5/2019 đến nay. Hiện bà B nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông T, không thể hàn gắn được nên có nguyện vọng ly hôn. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà B suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T, nhưng bà B vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông T.

[3] Thời gian chung sống bà B và ông T có một con chung là Trần Gia H, sinh ngày 25/8/2016, hiện đang chung sống với bà B. Bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cuộc sống của cháu H không bị xáo trộn, để cháu phát tiển bình thường về tâm, sinh lý, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà B, giao cháu H cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bà B hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên việc bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị B được được ly hôn với ông Trần Hiếu T.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 25/8/2016 cho bà Trương Thị B tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Hưng đủ 18 tuổi. Ông Trần Hiếu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hiếu T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Ông Trần Hiếu T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Gia H của bà Trương Thị B.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thị B xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Trương Thị B xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền ứng án phí bà Bạc đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0005842, ngày 29/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà B đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Trần Hiếu T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã L,TĐ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh